

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/DS-PT

Ngày: 10-7-2019

V/v T/c HĐ vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Phước Thiên

Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thành, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 6 và 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 173/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Phi Th, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 420/4, ấp B, xã B, huyện Th, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn Ng, sinh năm 1974 và bà Phùng Thị Kim Th, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Th, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ch, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 420/4, ấp B, xã B, huyện Th, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà Ch: Ông Trần Xuân N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 11, Đường 54, Khu phố 4, phường Th, Quận 2, TP. H.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Võ Văn Ng và Phùng Thị Kim Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Phi Th trình bày: Vào ngày 01/3/2017 ông Th và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng Ch có cho ông Võ Văn Ng, bà Phùng Thị Kim Th mượn số tiền là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng. Tiền giao tại nhà ông Th, khi giao tiền có vợ

chồng ông Th và vợ chồng ông Ng. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 20 ngày là vào ngày 20/3/2017. Việc cho vay có lập giấy nhận tiền, bà Th là người viết vào giấy nhận tiền và vợ chồng bà Th, ông Ng cùng ký tên, lẫn tay. Tiền cho vay bà Th, ông Ng nói mượn để trả tiền trồng dưa hấu. Về lãi: Hai bên không thỏa thuận lãi, ông Ng, bà Th cũng chưa trả khoản tiền lãi nào cho vợ chồng ông Th. Tuy nhiên đến hạn mà bà Th, ông Ng không trả tiền cho ông Th mặc dù nhiều lần ông Th đến đòi. Khi ông Th đến nhà, bà Th đều xin trả dần nhưng không thực hiện. Ông Th có yêu cầu hòa giải tại UBND xã nhưng ông Ng, bà Th không đến nên không hòa giải được. Nay ông Th yêu cầu ông Võ Văn Ng, bà Phùng Thị Kim Th phải trả cho ông Th tiền vốn vay 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày (21/3/2017) đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 0.83%/tháng là 9.250.350đ.

Ông Võ Văn Ng và bà Phùng Thị Kim Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải thì ông Võ Văn Ng, bà Phùng Thị Kim Th trình bày: Ông bà thừa nhận vào ngày 01/3/2017 vợ chồng bà có vay của vợ chồng bà Ch, ông Th số tiền là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng, bà là người viết giấy nhận tiền và vợ chồng bà là người ký tên, lẫn tay. Thời hạn trả nợ là 02 ngày chứ không phải 20 ngày như đại diện ông Th trình bày. Chữ viết “ngày 20/3/2017 năm 2017” bị viết thêm vào chứ bà chỉ ghi hạn trả là ngày 2/3/2017. Tiền vay để vợ chồng bà đáo hạn ngân hàng, sau khi đáo hạn ngân hàng vợ chồng bà đã trả toàn bộ số tiền trên cho vợ chồng ông Th nhưng bà không nhớ về thời gian là ngày tháng nào. Tiền trả tại nhà bà Ch, tiền do bà Ch là người nhận, khi giao tiền có bà với bà Ch, ngoài ra còn có 02 con bà Ch còn nhỏ. Vợ chồng bà có trả cho vợ chồng ông Th hơn 1.000.000 đồng tiền lãi nhưng bà không nhớ chính xác số tiền là bao nhiêu, việc trả lãi không lập giấy tờ gì. Trước đây vợ chồng bà nhiều lần vay tiền của bà Ch, ông Th, mỗi lần vay tiền có làm giấy tay do bà Ch và ông Th giữ giấy. Sau khi trả tiền vợ chồng bà không viết giấy tờ gì, cũng không lấy lại giấy nợ do bà Ch nói để bà Ch xé bỏ. Đối với giấy nhận tiền ngày 01/3/2017 bà Ch nói để bà Ch xé bỏ nên bà không lấy lại giấy nhận tiền và cũng không lập giấy tờ gì về việc trả tiền. Nay bà xác định đã trả toàn bộ tiền cho ông Th, bà Ch nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều: 35, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phi Th đối với ông Võ Văn Ng, bà Phùng Thị Kim Th.

Buộc ông Võ Văn Ng và bà Phùng Thị Kim Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Phi Th 54.150.000đ (năm mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó tiền vốn vay 45.000.000 đồng và tiền lãi 9.150.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng ông Võ Văn Ng, bà Phùng Thị Kim Th còn phải chịu

thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 31/01/2019, bị đơn Võ Văn Ng và Phùng Thị Kim Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26 tháng 6 năm 2019, bị đơn Võ Văn Ng và Phùng Thị Kim Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Trần Xuân N là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Phi Th, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng Ch không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Anh N xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Phi Th là buộc ông Võ Văn Ng, bà Phùng Thị Kim Th phải trả cho ông Th tiền vốn vay 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày (21/3/2017) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng là 9.250.350đ. Ngoài ra, ông N còn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc ông Ng, bà Th trả thêm cho ông Th khoản tiền lãi tính trên số tiền 45.000.000đ, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày xét xử phúc thẩm. Đến phiên tòa phúc thẩm ngày 10 tháng 7 năm 2019, ông N xác định về tiền lãi, phía nguyên đơn Trần Phi Th chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng trên số tiền nợ gốc 45.000.000đ từ ngày 21/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/4/2019, không yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến ngày xét xử phúc thẩm theo như trình bày của ông tại phiên tòa ngày 26 tháng 6 năm 2019.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là: Tại Giấy vay tiền ngày 01/3/2017 thể hiện ông Ng, bà Th có nhận của ông Th số tiền 45.000.000đ, hạn 20 ngày tức ngày 20/3/2017. Bà Th, ông Ng cũng thừa nhận có nhận của ông Th 45.000.000đ nhưng cho rằng đã trả cho ông Th 45.000.000đ và đồng thời có trả lãi cho ông Th số tiền 1.000.000đ. Tuy nhiên, ông Ng và bà Th không cung cấp được chứng cứ cho lời trình bày của mình về việc đã trả số tiền 45.000.000đ và tiền lãi 1.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc ông Ng, bà Th liên đới trả cho ông Th 45.000.000đ là đúng. Về tiền lãi, nguyên đơn Trần Phi Th có đơn yêu cầu ngày 28/6/2019 đề nghị chỉ tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 21/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 12/4/2019, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, cải sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn Võ Văn Ng và Phùng Thị Kim Th được thực hiện đúng thời hạn thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn Võ Văn Ng và Phùng Thị Kim Th về việc đã trả số tiền vay 45.000.000đ cho bà Ch, ông Th, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Ng, bà Th thừa nhận ngày 01/3/2017 có vay của vợ chồng ông Th, bà Ch số tiền 45.000.000đ theo “Giấy nhận tiền lập ngày 01/3/2017” có chữ ký của bà Th, ông Ng. Nội dung “Giấy nhận tiền lập ngày 01/3/2017” thể hiện: “ngày 01/3/2017 ông Ng, bà Th có nhận 01 số tiền của Trần Phi Th là 45.000.000đ, hẹn 20 ngày, 20/3/2017...”. Điều đó, cho thấy ngày 01/3/2017 hai bên có xác lập một hợp đồng vay tiền có thời hạn, không có lãi. Bản án sơ thẩm xác định vào ngày 01/3/2017 vợ chồng bà Th, ông Ng có vay của ông Th số tiền 45.000.000đ, đây là hợp đồng vay có thời hạn, không có lãi là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Ng, bà Th cho rằng chỉ vay số tiền 45.000.000đ trong thời hạn 02 ngày, thời hạn trả là ngày 02/3/2017 nhưng phía ông Th đã sửa thành thời hạn trả là ngày 20/3/2017 nhưng cũng không có chứng cứ gì chứng minh, trong khi “Giấy nhận tiền lập ngày 01/3/2017” thể hiện rõ thời hạn là ngày 20/3/2017. Ông Ng, bà Th còn nêu việc vay tiền của ông Th là có lãi, tiền lãi là 1.500.000đ đã trả trước nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông Ng, bà Th về việc sửa thời hạn trả hay trả lãi. Ông Ng, bà Th xác định đã trả số tiền vay 45.000.000đ cho bà Ch (vợ ông Th) vào ngày 02/3/2017, nhưng cũng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã trả số tiền này, trong khi chứng cứ thể hiện việc vay tiền là bản gốc “Giấy nhận tiền lập ngày 01/3/2017” vẫn do phía ông Th giữ và dùng làm chứng cứ khởi kiện tại Tòa án. Tại phiên Tòa phúc thẩm ngày 26/6/2019, ông Ng, bà Th yêu cầu được đối chất trực tiếp với bà Ch, ông Th nên Hội đồng xét xử đã ngừng phiên tòa. Tại phiên đối chất ngày 28/6/2019, bà Ch không thừa nhận có việc bà Th trả số tiền 45.000.000đ vào ngày 02/3/2019 và bà Th ông Ng cũng thừa nhận không có chứng cứ nào chứng minh bà Ch có nhận số tiền 45.000.000đ. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, chính ông Ng, bà Th cũng tự mâu thuẫn trong lời trình bày về thời điểm trả tiền, khi cho rằng sau khi vay số tiền 45.000.000đ từ ông Th (ngày 01/3/2017), bà Ch thì đem đi trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân Cầu Voi, hôm sau (tức ngày 02/3/2017) vay lại và trả tiền cho bà Ch. Tuy nhiên, theo tài liệu do Tòa án nhân dân tỉnh Long An thu thập tại Quỹ tín dụng nhân dân Cầu Voi thì thời điểm ông Ng vay tiền là ngày 01/3/2017, không phải là ngày 02/3/2017. Từ phân tích trên cho thấy, lời trình bày của ông Ng, bà Th về việc đã trả số tiền 45.000.000đ cho bà Ch, ông Th vào ngày 02/3/2019 là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo này của ông Ng, bà Th.

[2.2] Về nghĩa vụ trả lãi của ông Ng, bà Th đối với khoản vay 45.000.000đ: Như đã phân tích tại đoạn [2.1] thì đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn, không có lãi. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2019, ông Th chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng cho đến ngày xét xử. Trong quá trình thụ lý, giải quyết cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 06/3/2019, nguyên đơn Trần Phi Th cũng chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng. Mức lãi suất mà nguyên đơn Trần Phi Th yêu cầu có thấp hơn mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần chấp nhận tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông N (là đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Trần Phi Th) tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/4/2019, điều chỉnh

mức lãi suất từ 0,75%/tháng thành 0,83%/tháng là không đúng thủ tục tổ tụng được quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, gây bất lợi cho bị đơn. Tuy nhiên, tại đơn yêu cầu ngày 28/6/2019, nguyên đơn Trần Phi Th xác định chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng trên số tiền nợ gốc 45.000.000đ từ ngày 21/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/4/2019, không yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến ngày xét xử phúc thẩm theo như trình bày của người đại diện theo ủy quyền là anh Trần Xuân N. Do đó, để đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, về phạm vi yêu cầu khởi kiện cũng như việc thay đổi, bổ sung yêu cầu, cũng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử cải sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi như sau: Số tiền vay 45.000.000đ x mức lãi suất 0,75%/tháng x thời gian tính lãi 24 tháng 22 ngày (từ ngày 21/3/2017 đến ngày 12/4/2019) = 8.347.500đ.

[2.3] Tổng hợp các phân tích, đánh giá tại đoạn [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ng, bà Th, cải sửa một phần bản án sơ thẩm liên quan đến tiền lãi và án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Những vi phạm, thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm: Bản án sơ thẩm trình bày chưa đúng mẫu, còn nhiều lỗi chính tả, hồ sơ vụ án có nhiều văn bản do Tòa án lập ghi sai tên huyện từ “huyện Thủ Thừa” thành “huyện Thừa”, việc làm tròn tháng để tính lãi từ 24 tháng 22 ngày thành 24,5 tháng là không đúng, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu, hoàn lại cho ông Ng, bà Th khoản tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Văn Ng, bà Phùng Thị Kim Th.

1. Cải sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

2. Buộc ông Võ Văn Ng, bà Phùng Thị Kim Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Phi Th số tiền 53.347.500 đồng (*năm mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng, tiền lãi là 8.347.500 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Võ Văn Ng, bà Phùng Thị Kim Th có nghĩa vụ liên đới nộp 2.667.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho ông Trần Phi Th khoản tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là

1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0003374 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Hoàn lại cho ông Võ Văn Ng, bà Phùng Thị Kim Th mỗi người số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0001895, 0001894 cùng ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh